TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 11-01-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Mai Sao

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lường Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018, đối với bị cáo:

Lò Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/9/1998 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn P, sinh năm 1976 và bà Lừ Thị T; sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 25/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/8/2012 Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản. Xử lý vi phạm hành chính đó đã được xóa; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 02/10/2018 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Đặng Thị Đ1; sinh năm 1979; Nơi cư trú: Bản S1, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Thị L; Sinh năm 2005; Địa chỉ: Bản S1, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đặng Thị L – Chị Đặng Thị Đ1; Sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản S1, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La là mẹ đẻ Đặng Thị L. Có mặt.

2. Nguyễn Văn P; Sinh năm 1968; Địa chỉ: T1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Chu Văn T; Sinh năm 1986; Địa chỉ: T1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 03/9/2018, do Lò Văn Đ và Đặng Thị S (là con gái chị Đặng Thị Đ1) có quan hệ quen biết nên Đ đến nhà chị Đặng Thị Đ1 chơi và ở lại ăn, ngủ tại nhà của chị Đ1. Quá trình ở tại nhà chị Đ1 thì Đ có nhìn thấy chị Đ1 thường hay mở tủ lấy đồ dùng rồi cất chìa khóa trên nóc tủ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ ngày 21/9/2018, lợi dụng gia đình chị Đ1 không có ai ở nhà, Đ đã lấy chiếc chìa khóa ở trên nóc tủ rồi mở tủ đựng đồ của gia đình chị Đ1 lấy 01 chiếc túi vải bên trong có: 03 chiếc vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng; 03 chiếc vòng tay bằng kim loại màu trắng ; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng; 04 đồng xu bằng kim loại màu trắng mệnh giá 04 xu rồi khóa tủ lại để chìa khóa vào chỗ cũ.

Sau khi lấy được tài sản, Đ đi đến thị trấn B và mang 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng bán cho anh Nguyễn Văn P là chủ cửa hàng vàng bạc G ở T1, thị trấn B được số tiền 3.182.000 đồng. Sau đó, Đ xuống chợ trung tâm thị trấn B mua 02 chiếc áo phông với số tiền 360.000 đồng; 01 chiếc túi màu đen với số tiền 100.000 đồng.

Sau đó, Đ tiếp tục đến cửa hàng vàng bạc G bán 01 chiếc vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng được số tiền 1.024.000 đồng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng được 280.000 đồng. Còn 02 vòng đeo cổ kim loại màu trắng; 03 vòng tay kim loại màu trắng anh Nguyễn Văn P dùng a xít thử không phải là bạc nên không mua. Sau đó, Đ đến quán điện thoại Q tại T1, thị trấn B, huyện B do anh Chu Văn T làm chủ mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen với số tiền 2.600.000 đồng, 120.000 đồng tiền thẻ điện thoại và hỏi bán cho anh T 04 đồng xu kim loại màu trắng, anh T lấy máy khò ra thử không phải là bạc nên không mua, Đ đã cho anh Chu Văn T 04 đồng xu trên. Còn lại 01 chiếc túi vải màu xám và 03 chiếc vòng tay kim loại màu trắng; 02 chiếc vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng Đ vứt tại xô rác ở T3, thị trấn B.

Ngày 28/9/2018, chị Đặng Thị Đ1 phát hiện tài sản bị mất. Ngày 29/9/2018, chị Đ1 cùng em trai là Đặng Văn P xuống cửa hàng vàng bạc G ở Thị trấn B tìm thấy tài sản bị mất và biết người mang bán chiếc vòng là Lò Văn Đ. Ngày 02/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn Đ.

Vật chứng thu giữ: 01 đôi vòng kim loại vàng (01 chỉ); 01 dây chuyền kim loại màu trắng có chiều dài 2,83 mét; 01 vòng kiềng đeo cổ kim loại màu trắng tạm giữ với Nguyễn Văn P. 04 đồng xu kim loại màu trắng tạm giữ với Chu Văn T; 01

áo phông cộc tay màu đen; 01 áo phông loại cộc tay màu trắng của Lò Văn Đ; 01 chiếc túi bằng da màu đen; 01 chùm chìa khóa gồm 09 chìa khóa; các chìa khóa đã cũ tạm giữ với Đặng Thị Đ và 01 thiết bị lưu dữ liệu điện tử (Thẻ nhớ Micro SD, dung lượng 2GB; ký hiệu H24U20TM1BRH11PK2938SQ, Made in Korea);.

Tại kết luận giám định số 5556/C09(P4) ngày 22/10/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận:

- 04 (bốn) đồng xu bằng kim loại màu trắng, hình tròn là hợp kim đồng được mạ bạc.

- 01 (một) vòng kim loại hình tròn, màu vàng (ký hiệu A5) gửi giám định có khối lượng: 1,97 gam, là vàng (Au), hàm lượng Au 99,31%.

- 01 (một) vòng kim loại hình tròn, màu vàng (ký hiệu A6) gửi giám định có khối lượng: 1,77 gam, là vàng (Au), hàm lượng Au 99,47%.

- 01 (một) dây xích bằng kim loại màu trắng (ký hiệu A7) được chế tác các móc xích nối với nhau bằng các móc tròn gửi giám định có tổng khối lượng: 76,20 gam là hợp kim bạc.

- 01 (một) vòng kiềng bằng kim loại màu trắng, 2 đầu được uốn cong (ký hiệu A8) gửi giám định có khối lượng: 243,9 gam, là hợp kim bạc.

Tại kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

Đối với số tài sản đã thu hồi: 01 đôi hoa tai bằng vàng (01 chỉ) có trị giá 3.470.000 đồng; 01 chiếc vòng đeo cổ bằng bạc (chiếc vòng khắc tên "Đ V THIẾU" và khắc dòng số "1972", trên vòng có in hoa văn), có khối lượng là 243,9 gam có trị giá 1.219.500 đồng; 01 dây chuyền (dây xích) có khối lượng 76,20 gam có trị giá 381.000 đồng; 04 đồng xu hình tròn màu bạc có đường kính 04cm, dày 01cm mặt trước có dòng chữ REPUBLIQUE FRANCAISE, có khắc biểu tượng nữ thần tự do có trị giá 291.720 đồng. Đối với số tài sản không còn hiện trạng bị mất: 02 vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng có trị giá 1.200.000 đồng; 03 vòng tay bằng kim loại màu trắng có trị giá 450.000 đồng; 01 túi vải màu xám, túi cũ đã qua sử dụng có trị giá 20.000 đồng. Tổng trị giá số tài sản Lò Văn Đ chiếm đoạt của chị Đặng Thị Đ1 là 7.032.220 đồng.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Lò Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-BY ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về

trách nhiệm dân sự chấp nhận gia đình bị cáo Lò Văn Đức đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho chị Đặng Thị Đ1 số tài sản mà Đ đã vứt đi và tiền công đi tìm tài sản với số tiền 5.550.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền 4.486.000 đồng. Chị Đặng Thị Đ1 và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm c, khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên trả lại cho chị Đặng Thị Đ số tài sản gồm: 01 đôi vòng kim loại vàng (01 chỉ); 01 dây chuyền kim loại màu trắng có chiều dài 2,83 mét; 01 vòng kiềng đeo cổ kim loại màu trắng; 04 đồng xu kim loại màu trắng; 01 chùm chìa khóa gồm 09 chìa khóa.Trả lại cho Đặng Thị L 01 chiếc túi bằng da màu đen. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 áo phông loại cộc tay màu trắng của Lò Văn Đức; 01 thiết bị lưu dữ liệu điện tử (Thẻ nhớ Micro SD, dung lượng 2GB; ký hiệu H24U20TM1BRH11PK2938SQ, Made in Korea). Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Ý kiến của bị cáo Lò Văn Đ tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đề nghị tiêu hủy 02 chiếc áo phông của bị cáo đã sử dụng, hiện cơ quan chức năng đang thu giữ.

Bị hại, chị Đặng Thị Đ1 trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Tôi và gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 5.550.000 đồng, hiện tại tôi đã nhận đủ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị được nhận lại số tài sản cơ quan chức năng đang thu giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị L, người đại diện hợp pháp của Đặng Thị L là chị Đặng Thị Đ1 trình bày : Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị được nhận lại chiếc túi.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Chu Văn T và anh Nguyễn Văn P trình bày: Không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, việc vắng mặt không gây trở ngại. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn Đ có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 08 giờ ngày 21/9/2018, lợi dụng gia đình chị Đội không có ai ở nhà, do có sự quan sát từ trước, bị cáo Lò Văn Đ đã lấy chiếc chìa khóa ở trên nóc tủ rồi mở tủ đựng đồ của gia đình chị Đ1 lén lút chiếm đoạt số tài sản gồm: 01 đôi hoa tai bằng vàng khối lượng 3,74 gam trị giá 3.470.000 đồng; 01 chiếc vòng đeo cổ bằng bạc khối lượng 243,9 gam trị giá 1.219.000 đồng; 01 dây chuyền (dây xích) bằng bạc khối lượng 76,20 gam trị giá 381.000 đồng; 04 đồng xu hình tròn là hợp kim đồng khối lượng 97,25 gam trị giá 291.720 đồng; 02 vòng đeo cổ bằng kim loại màu trắng trị giá 1.200.000 đồng; 03 vòng tay bằng kim loại màu trắng trị giá 450.000 đồng; 01 túi vải màu xám đã qua sử dụng trị giá 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Lò Văn Đ chiếm đoạt của chị Đặng Thị Đ1 theo kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận có tổng trị giá là 7.032.220 đồng. Sau khi lấy được tài sản bị cáo Lò Văn Đ đã mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị Đặng Thị Đ1, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện B. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu làm ăn lương thiện, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận Hành vi của bị cáo Lò Văn Đ đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo chiếm đoạt tài sản giá trị không lớn thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: "phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có một tiền án: Ngày 25/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; sau khi chấp hành xong hình phạt (ngày 27/4/2018) chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ngày 21/9/2018 là tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 09/8/2012 Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Về tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải. Bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả. Nên bị cáo Lò Văn Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, xét thấy bị cáo Lò Văn Đ đã được đi cải tạo trong trại cải tạo nhưng vẫn không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[4] Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, đang sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tài sản gồm: 01 đôi hoa tai bằng vàng (01 chỉ); 01 vòng cổ bằng bạc *(chiếc vòng khắc tên ĐV Thiếu" và khắc dòng số "1972", trên vòng có in hoa văn)*, vòng có khối lượng 243,9 gam; 01 dây chuyền bạc *(có khối lượng 76,20gam)*; 04 đồng xu hình tròn màu bạc có đường kính 04cm, dày 01cm, mặt trước có dòng chữ REPUBLIQUE FRANCAISE, có khắc biểu tượng nữ thần tự do; 01 chùm chìa khóa gồm 09 chìa khóa qua điều tra, xác minh xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Đặng Thị Đ1 cần trả lại cho chị Đặng Thị Đ1. Đối với số tài sản gồm 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 áo phông loại cộc tay màu trắng; 01 chiếc túi bằng da màu đen là tài sản bị cáo sử dụng số tiền bán tài sản trộm cắp để mua; trong quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền bị thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do vậy, số tài sản trên được xác định là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo. Bị cáo đề nghị tiêu hủy 02 chiếc áo phông không còn giá trị sử dụng cần chấp nhận. Đối với 01 chiếc túi bằng da bị cáo đã cho Đặng Thị L, tại phiên tòa Đặng Thị L đề nghị xin lại cần trả lại cho Đặng Thị L. Đối với 01 thiết bị lưu dữ liệu điện tử (Thẻ nhớ Micro SD, dung lượng 2GB; ký hiệu H24U20TM1BRH11PK2938SQ, Made in Korea) là dữ liệu điện tử phục vụ cho quá trình điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được điều tra làm rõ, xét thấy dữ liệu điện tử đó không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Lò Văn Đ đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho chị Đặng Thị Đ1 số tài sản mà Đức đã vứt đi và tiền công đi

tìm tài sản với số tiền 5.550.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền 4.486.000 đồng. Chị Đặng Thị Đ1 và anh Nguyễn Văn P đã nhận đủ tiền không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm Xét các ý kiến trên là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn.

[8] Đối với Nguyễn Văn P là người mua số tài sản bị cáo Lò Văn Đ trộm cắp được. Tuy nhiên, khi mua anh P hoàn toàn không biết và bị cáo Đ cũng không nói cho anh P biết biết tài sản do trộm cắp mà có. Đối với anh Chu Văn T là người bán điện thoại và thẻ điện thoại cho Lò Văn Đ, anh T cũng không biết số tiền mua điện thoại là do Đ mua bán tài sản trộm cắp được mà có. Lò Văn Đ cho anh Chu Văn T 04 đồng xu bằng kim loại, anh T không biết là tài sản trộm cắp. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo Lò Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lò Văn Đ phạm Tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 12 tháng (mười hai tháng) tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thụ hình tính từ ngày 02/10/2018 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn Đ.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho chị Đặng Thị Đ1 số tài sản gồm: 01 đôi hoa tai bằng vàng (01 chỉ); 01 vòng cổ bằng bạc *(chiếc vòng khắc tên ĐV Thiếu" và khắc dòng số "1972", trên vòng có in hoa văn)*, vòng có khối lượng 243,9 gam; 01 dây chuyền bạc *(có khối lượng 76,20gam)*; 04 đồng xu hình tròn màu bạc có đường kính 04cm, dày 01cm, mặt trước có dòng chữ REPUBLIQUE FRANCAISE, có khắc biểu tượng nữ thần tự do; 01 chùm chìa khóa gồm 09 chìa khóa. Trả lại cho Đặng Thị L 01 chiếc túi bằng da màu đen.Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 áo phông loại cộc tay màu trắng của Lò Văn Đ; 01 thiết bị lưu dữ liệu điện tử (Thẻ nhớ Micro SD, dung lượng 2GB; ký hiệu H24U20TM1BRH11PK2938SQ, Made in Korea) (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, ghi nhận gia đình bị cáo Lò Văn Đ đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho chị Đặng Thị Đ1 số tài sản mà bị cáo Đ đã vứt đi và tiền công đi tìm tài sản với số tiền 5.550.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền 4.486.000 đồng. Chị Đặng Thị Đ1 và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Về Án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
-Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
-VKSND huyện B;
-Công an huyện B;
-Chi cục THADS huyện B;
-Trại tạm giam; Trại giam;
-Bị cáo, người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Tùng